

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Số: 40 /2025/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;
Căn cứ Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội;
Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 451/TTr-SVHTT ngày 25 tháng 02 năm 2025;
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/4/2025 và thay thế Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh Nghệ An về việc

Ung

ban hành Quy định tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn công đức ở các di tích lịch sử
- văn hóa trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mau*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ VH, TT&DL;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- PCVP VX UBND tỉnh;
- Lưu VT, VX (TP, PTP, Trâm).

Buỳnh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
~~PHÓ CHỦ TỊCH~~



Bùi Đình Long

QUY ĐỊNH

Về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho
di tích và hoạt động lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2025/QĐ-UBND, ngày 14/ 4 / 2025
của UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích đã được Nhà nước xếp hạng các cấp, di tích được đưa vào danh mục kiểm kê và hoạt động lễ hội tại di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Các nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 04/2023/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội (gọi tắt là Thông tư số 04/2023/TT-BTC).

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân tổ chức lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội tại các di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích trên địa bàn tỉnh Nghệ An bao gồm: người đại diện cơ sở tín ngưỡng, người đại diện cơ sở tôn giáo, chủ sở hữu di tích tư nhân, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý di tích kiêm nhiệm.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Tiền dâng cúng, đặt lễ* là tiền du khách và người dân hành lễ dâng cúng, đặt, bỏ trực tiếp vào hòm công đức, hòm giọt dầu và các hình thức tương ứng tại các cung, ban thờ tại di tích.

2. Khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể là khoản công đức tài trợ của tổ chức, cá nhân đã được chỉ định để xây dựng các hạng mục, công trình hoặc các nội dung khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị tại di tích, lễ hội theo nguyện vọng của tổ chức, cá nhân công đức, tài trợ.

3. Các từ ngữ liên quan khác thực hiện theo Điều 3, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

Điều 3. Nguyên tắc tiếp nhận quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ

1. Mọi tổ chức cá nhân có quyền công đức, tài trợ tiền để phục vụ hoạt động lễ hội và tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích. Chính quyền các cấp và đơn vị quản lý các di tích tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân liên hệ, lựa chọn hình thức công đức, tài trợ.

2. Tiền được công đức, tài trợ cho các di tích và tổ chức lễ hội phải được quản lý và sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật, hiệu quả, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

3. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân lợi dụng việc công đức, tài trợ cho các di tích nhằm mục đích vụ lợi cho cá nhân và thực hiện các mục đích khác trái với quy định của pháp luật. Mọi hành vi vi phạm Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan sẽ bị xử lý theo pháp luật.

4. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý và sử dụng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích đảm bảo đúng quy định tại Điều 16, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định hòm công đức, phiếu công đức

1. Hòm công đức

a) Đơn vị được giao quản lý di tích căn cứ vào tình hình thực tế, quyết định số lượng hòm công đức tại các di tích nhưng mỗi di tích không quá 3 hòm. Trường hợp có nhu cầu đặt thêm hòm công đức phải báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, quyết định.

b) Hòm công đức phải đảm bảo an toàn, chắc chắn, có tính thẩm mỹ và phù hợp với di tích, được niêm phong và sử dụng 2 loại khóa, 1 khóa giao cho đại diện đơn vị được giao quản lý di tích, 1 khóa giao cho Trưởng ban quản lý di tích hoặc ủy quyền Phó ban thường trực nắm giữ.

2. Mở hòm công đức

Việc mở hòm công đức do đơn vị quản lý di tích quyết định nhưng tuân thủ theo quy định sau:

a) Đối với di tích có nguồn công đức lớn, mỗi lần mở hòm công đức phải có các thành viên Tổ giám sát (được quy định tại Điều 11 Quy định này) để kiểm tra, giám sát. Số lượng thành viên đại diện Tổ giám sát phải có mặt trên 2/3 số thành viên;

b) Việc kiểm đếm phải được công khai, minh bạch, sau khi kiểm đếm phải có biên bản ghi rõ số tiền thu được, xác nhận của các thành viên tham gia kiểm đếm;

c) Biên bản kiểm đếm phải có dấu giáp lai của đơn vị quản lý di tích, chia thành 3 bản: Ban quản lý di tích giữ 01 bản; Đơn vị quản lý di tích giữ 01 bản; 01 bản gửi cơ quan quản lý văn hoá cùng cấp để tổng hợp, kiểm tra, theo dõi.

3. Phiếu công đức

a) Phiếu công đức là hình thức ghi nhận công đức do đơn vị được giao quản lý di tích quy định mẫu phiếu và phát hành;

b) Phiếu công đức phải có số xeri và đóng dấu giáp lai của đơn vị quản lý di tích. Trường hợp Ban quản lý di tích có tư cách pháp nhân nếu đóng dấu giáp lai của Ban vào phiếu công đức phải được đơn vị quản lý di tích ủy quyền bằng văn bản;

d) Ban/Đơn vị được giao quản lý di tích có trách nhiệm kiểm soát số lượng phiếu công đức phát hành theo số xeri trên phiếu công đức.

Điều 5. Các hình thức công đức

Công đức được đóng góp dưới các hình thức bằng tiền, hiện vật, cụ thể như sau:

1. Công đức bằng tiền là hình thức đóng góp bằng tiền (*Việt Nam đồng, ngoại tệ*) được bỏ vào hòm công đức tại cung thờ của di tích hoặc chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng;

2. Công đức bằng hiện vật là hình thức đóng góp bằng các loại giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; công trình nhà cửa, đồ thờ tự, đồ dùng phục vụ cho di tích,...

Điều 6. Tiếp nhận công đức, tài trợ

1. Ban quản lý, đơn vị được giao quản lý di tích mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc Ngân hàng thương mại tại địa phương để quản lý, theo dõi, phản ánh việc tiếp nhận quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo hình thức chuyển khoản và phương thức thanh toán điện tử.

2. Ban quản lý, đơn vị được giao quản lý di tích thực hiện việc tiếp nhận tiền mặt, giấy tờ có giá, kim khí quý, đá quý, tài sản, hiện vật, công trình và các hoạt động liên quan khác như sau:

a) Tiếp nhận tiền mặt

Cử người tiếp nhận, ghi phiếu công đức, mở sổ ghi chép đầy đủ số tiền đã tiếp nhận và hướng dẫn việc bỏ tiền vào hòm công đức theo quy định.

Đối với tiền trong hòm công đức, căn cứ tình hình thực tế số lượng tiền công đức để thực hiện công tác kiểm đếm, ghi tổng số tiền tiếp nhận. Đối với các khoản tiền đặt không đúng nơi quy định, không phù hợp với việc thực hiện nếp sống văn minh tại di tích và lễ hội được thu gom để kiểm đếm hoặc bỏ vào hòm công đức để kiểm đếm chung.

Số tiền công đức sau khi kiểm đếm được chuyển vào tài khoản nguồn công đức được mở tại Kho bạc nhà nước hoặc Ngân hàng theo Khoản 1, Điều 6 trong thời gian không quá 48 giờ (không tính ngày thứ 7, chủ nhật và các ngày lễ, Tết) để bảo đảm việc quản lý an toàn, minh bạch các khoản công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội đã tiếp nhận.

b) Tiếp nhận giấy tờ có giá

Mở sổ ghi tên giấy tờ có giá, số tiền ghi trên giấy tờ có giá, tổ chức phát hành. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng giấy tờ có giá, bao gồm thanh toán trước hạn hoặc thanh toán khi đến hạn, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

c) Tiếp nhận công đức qua chuyển khoản: Ban quản lý, đơn vị được giao quản lý di tích có thể sử dụng mã code QR và công khai số tài khoản Ngân hàng thương mại của di tích đã đăng ký tại địa phương để tiếp nhận công đức.

d) Tiếp nhận kim khí quý, đá quý

Mở sổ ghi tên kim khí quý, đá quý và giá trị tương ứng theo tài liệu do tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho, cung cấp. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích chịu trách nhiệm về quản lý và sử dụng kim khí quý, đá quý, bao gồm tổ chức bán đấu giá, bán cho ngân hàng thương mại hoặc đưa vào lưu giữ, trưng bày tại di tích, tùy theo yêu cầu quản lý và nguyện vọng của tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho (nếu có).

Điều 7. Nội dung chi, mức chi cho công tác bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

1. Nội dung chi cho công tác tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 1, 2, 3 Điều 15, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

2. Căn cứ vào mức trích phần trăm (%) theo từng nội dung quy định tại Phụ lục I Quy định này, Trưởng Ban tổ chức lễ hội, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích quyết định mức chi bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế; khuyến khích thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

3. Trưởng Ban tổ chức lễ hội, người đứng đầu của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích phải tổng hợp, hoàn thiện đầy đủ hồ sơ, chứng từ chi cho các nội dung theo quy định hiện hành của pháp luật về thu, chi tài chính và Quy định này.

Điều 8. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội thực hiện theo khoản 1, 2, 3, Điều 13, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

2. Trường hợp trong phạm vi địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng có di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo thì người đại diện cơ sở tôn giáo thực hiện việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 4, Điều 13, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

Người đại diện cơ sở tôn giáo có trách nhiệm chi trả cho đơn vị sự nghiệp công lập một phần chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình phụ trợ dùng chung; chi phí bảo đảm an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường và các chi phí quản lý chung khác trên địa bàn di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng.

Mức chi trả mà người đại diện cơ sở tôn giáo có trách nhiệm chi trả cho đơn vị sự nghiệp công lập từ 35 phần trăm (%) trên số tiền thu được từ nguồn công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội đã tiếp nhận (*trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể*).

maus

Điều 9. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý

1. Ban quản lý di tích thực hiện việc tiếp nhận tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 6 Quy định này, số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (*trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể*) được phân bổ và sử dụng theo hướng dẫn tại điểm a, b, c, d, khoản 2, điều 14, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

Mức chi cụ thể thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Quy định này. Đến cuối năm nếu không chi hết số tiền theo mức trích phần trăm (%) của từng nội dung theo quy định tại Phụ lục II thì số dư kinh phí (nếu có) được đề xuất chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho các nhiệm vụ đặc thù của di tích.

2. Trường hợp đơn vị không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác tổ chức lễ hội theo hình thức chuyển khoản, phương thức thanh toán điện tử. Trường hợp các di tích không có hoặc chưa khôi phục lễ hội thì được chuyển sang chi cho hoạt động đặc thù tại di tích;

3. Ban quản lý di tích kiêm nhiệm phân công cho một thành viên Ban quản lý di tích có năng lực chuyên môn và am hiểu pháp luật để thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế tại di tích;

b) Mở tài khoản, mở sổ sách, mở sổ kế toán để ghi chép đầy đủ, kịp thời việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội vào nguồn hoạt động khác được để lại của đơn vị;

c) Hằng năm, thực hiện lập dự toán và báo cáo quyết toán thu, chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Điều 14 Quy định này và các quy định khác liên quan, trình Trưởng ban Ban quản lý di tích phê duyệt; gửi cơ quan tài chính và cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp trên để phục vụ cho công tác quản lý và giám sát thực hiện.

3. Trường hợp trong phạm vi địa bàn di tích giao cho Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng có di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo, thì việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài trợ đối với di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo thực hiện theo quy định tại Điểm a, khoản 1, Điều 10 Quy định này.

Điều 10. Quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo và di tích đồng thời là cơ sở tín ngưỡng

Việc quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo và di tích đồng thời là cơ sở tín ngưỡng, thực hiện theo Điều 10, Điều 11, Thông tư số 04/2023/TT-BTC.

Điều 11. Tổ giám sát

Đơn vị quản lý di tích thành lập tổ giám sát để giám sát các hoạt động liên quan đến quản lý, tiếp nhận, sử dụng công đức theo từng năm. Thành phần tổ giám sát như sau:

1. Đối với di tích được phân cấp cho địa phương quản lý, Ban quản lý di tích kiêm nhiệm có nguồn công đức phát sinh thường xuyên, thành phần Tổ giám sát gồm: Đại diện Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; Ủy ban mặt trận Tổ quốc; Tài chính; Văn hóa; Công an; Tổ quản lý di tích để giám sát các hoạt động liên quan đến công đức. Căn cứ vào tính chất, quy mô, lượng tiền công đức tại di tích để điều chỉnh thành phần Tổ giám sát cho phù hợp.

2. Đối với các di tích do các Đơn vị sự nghiệp quản lý: Lãnh đạo đơn vị; Phòng chuyên môn; Thanh tra nhân dân; Công đoàn; Đoàn thanh niên; Tài chính để giám sát các hoạt động liên quan đến công đức.

Điều 12. Quản lý, sử dụng kinh phí tu sửa di tích bằng Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh

Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh từ tiền công đức chỉ dành cho hoạt động tu sửa nhỏ, gia cố, chống xuống cấp các di tích đã xếp hạng bị hư hỏng, xuống cấp do thiên tai, sự cố đột xuất mà địa phương không có điều kiện bố trí kinh phí từ các nguồn khác.

1. Thời hạn tiếp nhận kinh phí tu bổ, phục hồi di tích

Định kỳ mỗi năm 01 lần, chậm nhất ngày 15 tháng 01 năm sau, các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích thực hiện trích nộp theo tỷ lệ phần trăm kinh phí tu bổ, phục hồi di tích trên tổng số tiền công đức, tài trợ thu được trong năm trước chuyển khoản vào Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh do Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Quy định này.

2. Công tác rà soát, lập danh mục, đề xuất các di tích cần tu sửa bằng kinh phí tu bổ, phục hồi di tích.

a) Định kỳ hằng năm, trước ngày 30 tháng 11, Ủy ban nhân dân các địa phương rà soát, lập danh mục và đề xuất các di tích cần tu sửa tại địa phương gửi về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, tổng hợp (trường hợp di tích có nguy cơ sụp đổ, hoặc hư hỏng nặng do thiên tai phải tu sửa khẩn cấp, UBND các địa phương có thể trình đột xuất);

b) Nội dung đề xuất cần thể hiện rõ về hiện trạng từng di tích, sự cần thiết tu sửa; kinh phí, thời gian thực hiện và các nội dung liên quan khác.

c) Trên cơ sở danh mục, đề xuất của Ủy ban nhân dân các địa phương, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức, cá nhân liên quan khảo sát lựa chọn di tích để tu sửa theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

Ưu tiên các di tích được xếp hạng là di tích cộng đồng; di tích cách mạng; di tích không có nguồn thu công đức, hoặc số tiền công đức không đủ để thực hiện công tác tu sửa; di tích hư hỏng nặng do ảnh hưởng thiên tai và các di tích có mức trích theo tỷ lệ phần trăm (%) số tiền công đức, tài trợ để tạo Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh theo thứ tự từ cao xuống thấp và luân phiên giữa các địa phương.

d) Các di tích được bố trí kinh phí thực hiện dự án đầu tư từ nguồn đầu tư công trung hạn, các di tích đã có hạng mục công trình được công đức, tài trợ có địa chỉ cụ thể, nhà thờ họ không thuộc đối tượng được ưu tiên từ nguồn kinh phí này.

4. Phân bổ kinh phí thực hiện

Trên cơ sở số tiền trích nộp vào Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích hàng năm, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh thống nhất danh mục di tích thực hiện tu sửa và hướng dẫn thực hiện tu bổ, phục hồi di tích theo quy định hiện hành. Kinh phí được cấp từ Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích không quá 300 triệu đồng (ba trăm triệu đồng) cho di tích cấp tỉnh; 400 triệu đồng cho di tích cấp quốc gia; 500 triệu đồng cho di tích cấp quốc gia đặc biệt.

5. Thanh quyết toán kinh phí

a) Thực hiện công tác hạch toán, kế toán theo mục lục ngân sách Nhà nước và chế độ kế toán hiện hành;

b) Kết thúc năm tài chính thực hiện chế độ báo cáo kế toán và quyết toán theo quy định;

c) Thực hiện quản lý thu, chi, đối chiếu tài khoản theo quy định. Đối với số dư kinh phí cuối năm (nếu có) được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng.

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hằng năm, trước ngày 30 tháng 11 hoặc theo yêu cầu đột xuất, Ban tổ chức Lễ hội, Ban quản lý, đơn vị được giao quản lý di tích lập báo cáo chung về công tác tiếp nhận, quản lý, thu chi tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội và các nội dung liên quan khác gửi về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, các cơ quan quản lý chuyên ngành liên quan về Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch các cấp theo quy định và phân cấp quản lý.

2. Đối với nguồn thu trích cho Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương tổng hợp báo cáo số thu, nộp của các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di tích trên địa bàn theo quy định. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản tổng hợp số liệu thu, chi sử dụng tiền công đức, tài trợ được trích lại để tu sửa di tích đã xếp hạng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành của tỉnh xây dựng, ban hành hướng dẫn về nội dung, chủ thể và các vấn đề liên quan đến chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

b) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng: tiền dâng cúng, đặt lễ, hòm công đức, phiếu, ghi sổ công đức, sổ kiểm kê, bảng thống kê tài sản, hiện vật, chế độ thông tin báo cáo và các nội dung khác liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền từ nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích và các nội dung liên quan khác theo quy định. Mở sổ kế toán theo dõi và phản ánh

kip thời số tiền tiếp nhận, thực hiện quản lý sử dụng thu, chi đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

Phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, hướng dẫn các nội dung liên quan đến tiếp nhận, quản lý sử dụng nguồn công đức, tài trợ cho các di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Dân tộc và Tôn giáo

Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, các tổ chức tôn giáo chỉ đạo kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An tại các di tích đồng thời là cơ sở tôn giáo theo Quy định này.

4. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc bảo đảm về an ninh, trật tự và giải quyết các vụ việc phức tạp, các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành có liên quan của tỉnh

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Quy định này;

b) Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính, Sở Nội vụ; Ủy ban nhân dân các địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện việc quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội tại di tích trên địa bàn tỉnh theo Quy định này và quy định của pháp luật hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân các địa phương

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các phòng, ban, cơ quan đơn vị trực thuộc, Ban quản lý, đơn vị được giao quản lý di tích và các tổ chức, cá nhân liên quan tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện nội dung Quy định này tại địa phương theo phân cấp quản lý di tích, lễ hội và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

maur

b) Hằng năm rà soát, lựa chọn và đề xuất các di tích xuống cấp cần tu sửa bằng Nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi di tích của tỉnh gửi Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp;

c) Tiếp nhận và giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến di tích, lễ hội theo thẩm quyền. Kiểm tra, giám sát và áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện nội dung Quy định này và các hoạt động trái pháp luật khác. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm quy định của pháp luật vượt thẩm quyền xử lý phải kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền;

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Ban tổ chức lễ hội, Ban quản lý di tích hoặc đơn vị được giao quản lý di tích và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản có liên quan để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung Quy định này, đảm bảo phù hợp với tính chất, đặc điểm, loại hình di tích, lễ hội, tình hình điều kiện thực tế, đồng thời báo cáo, xin ý kiến cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trước khi ban hành;

b) Báo cáo kịp thời các khoản tiếp nhận, thu, chi theo các quy định hiện hành;

c) Có hình thức phù hợp để ghi nhận, vinh danh; tham mưu, đề xuất các hình thức tôn vinh, khen thưởng kịp thời cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích đóng góp công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội;

d) Cung cấp kịp thời thông tin khi được cơ quan chức năng có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức, cá nhân công đức, tài trợ có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật; nội quy, quy định, hướng dẫn của Ban tổ chức lễ hội, Ban quản lý hoặc đơn vị được giao quản lý di tích và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa, đảm bảo tính tôn nghiêm, trang trọng; giữ gìn vệ sinh, an ninh trật tự; bảo vệ cảnh quan, môi trường; đặt tiền, tài sản công đức, tài trợ tại di tích, lễ hội đúng nơi quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan đề xuất, phản ánh về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC I
Nội dung mức trích phần trăm (%) tiền công đức, tài trợ cho di tích
giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng

STT	Tên di tích	Địa chỉ	Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý	Mức trích phần trăm (%) tối đa			
				Chi tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Chi tối đa hoạt động lễ hội (nếu có)	Chi tối đa hoạt động thường xuyên	Chi các khoản đặc thù
1	Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên	Xã Kim Liên, huyện Nam Đàn	Ban Quản lý Di tích Kim Liên	5	0	40	55
2	Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Phan Bội Châu	Thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn	Ban quản lý Di tích tỉnh Nghệ An	5	0	30	65
3	Di tích quốc gia Khu di tích lưu niệm đồng chí Tổng Bí thư Lê Hồng Phong	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên	Ban quản lý Di tích tỉnh Nghệ An	5	0	30	65
4	Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Quang Trung, thành phố Vinh	Ban quản lý Di tích tỉnh Nghệ An	0	0	30	70
5	Khu di tích lịch sử quốc gia Truong Bồn	Xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương	Ban quản lý Khu di tích Truong Bồn (thuộc Tỉnh đoàn Nghệ An)	5	0	40	55
6	Khu di tích quốc gia: Nơi Thực dân Pháp tàn	Thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền	0	0	50	50

unay

	sát cuộc đấu tranh ngày 12 tháng 9 năm 1930	Nguyên	thông huyện Hưng Nguyên				
7	Khu di tích quốc gia đặc biệt Km 0	Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện Tân Kỳ	0	0	50	50

man



PHỤ LỤC II
Nội dung mức trích phần trăm (%) tiền công đức, tài trợ cho di tích giao cho
Ban quản lý di tích kiêm nhiệm quản lý, sử dụng

Mức thu/năm	Mức trích phần trăm (%)			
	Chi tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Chi tối đa hoạt động lễ hội (nếu có)	Chi tối đa hoạt động thường xuyên	Chi các khoản đặc thù
1. Dưới 500 triệu	0	40	30	Số còn lại
2. Từ trên 500 triệu đến 01 tỷ	0	35	30	
3. Từ trên 01 tỷ đến 05 tỷ	5	30	35	
4. Từ trên 05 tỷ đến 10 tỷ	10	20	30	
5. Từ trên 10 tỷ đến 20 tỷ	10	15	25	
6. Trên 20 tỷ	15	10	20	

Handwritten signature